

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
kèm theo Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập
và Báo cáo của Ban Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Mục lục

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1
Báo cáo Soát xét của Kiểm toán Độc lập	3
Bảng Cân đối Kế toán	5
Báo cáo Kết quả Hoạt động Kinh doanh	7
Báo cáo Lưu chuyển Tiền tệ	8
Thuyết minh Báo cáo Tài chính	10

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong ("Công ty") trình bày báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đã được soát xét tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày.

1. Thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc

Những người sau đây là thành viên của Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Giám đốc trong kỳ và cho đến ngày lập báo cáo này:

Hội đồng Quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Anh Dũng	Chủ tịch	10 tháng 7 năm 2013	-
Ông Nguyễn Hữu Lam	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Nguyễn Hữu Dũng	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Thomas Hermansen	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	-
Ông Lâm Thiếu Quân	Thành viên	15 tháng 5 năm 2012	-
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Nguyễn Ngọc Trung	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Mai Minh Tân	Chủ tịch	15 tháng 5 năm 2012	29 tháng 6 năm 2013
Ông Mai Tuấn Tú	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	29 tháng 6 năm 2013

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Doãn Thị Bích Ngọc	Trưởng ban	29 tháng 6 năm 2013	-
Bà Trần Thị Thu Hiền	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Ông Lê Hoàng Tân	Thành viên	29 tháng 6 năm 2013	-
Bà Nguyễn Hương Giang	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2012	29 tháng 6 năm 2013
Bà Nguyễn Thị Thu Sương	Thành viên	28 tháng 3 năm 2009	29 tháng 6 năm 2013
Bà Trần Thu Lan	Thành viên	23 tháng 4 năm 2011	29 tháng 6 năm 2013

Ban Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Bạch Tuyết	Tổng Giám đốc	19 tháng 9 năm 2012	-

2. Xác nhận của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày. Trong việc lập các báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc cần phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, tùy thuộc những khác biệt trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và áp dụng hệ thống kiểm soát nội bộ hiệu quả trong việc lập các báo cáo tài chính phù hợp nhằm giảm thiểu các sai sót và gian lận.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

Báo cáo tài chính cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh hợp lý tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các báo cáo tài chính tuân thủ với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm về việc đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và do đó thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.


Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính.

3. Phê duyệt các báo cáo tài chính

Tôi phê duyệt các báo cáo tài chính kèm theo. Các báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc,




NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Số: 127-21-13

**Gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong**

Chúng tôi đã soát xét các báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (“Công ty”) bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu, các thuyết minh kèm theo, như được trình bày từ trang 5 đến trang 32.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với Báo cáo Tài chính

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý các báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra báo cáo soát xét về các báo cáo tài chính này dựa vào công việc soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét báo cáo tài chính theo Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam về công tác soát xét báo cáo tài chính. Chuẩn mực này yêu cầu công tác soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có được sự đảm bảo vừa phải rằng các báo cáo tài chính không chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính và do đó cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán, và do đó chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận

Dựa trên công việc soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy bất kỳ vấn đề đáng chú ý nào để chúng tôi cho rằng các báo cáo tài chính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

BÁO CÁO SOÁT XÉT CỦA KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Những điểm cần lưu ý:

Như đã trình bày tại Thuyết minh số 35 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính, tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty đã trích lập dự phòng với mức 50% giá trị ghi sổ đối với các khoản cho mượn, cho vay đối với QEC và cam kết trả thay cho QEC khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 9 năm 2013. Hội đồng Quản trị của Công ty đánh giá một cách thận trọng rằng các mức trích lập dự phòng trên là phù hợp vì theo đánh giá của Hội đồng thẩm định Công ty thì giá trị thanh lý ước tính của tài sản QEC sau khi thanh toán cho ngân hàng vẫn đủ để trả nợ cho Công ty. Tuy nhiên, việc trích lập dự phòng này phụ thuộc vào khả năng thu hồi được các tài sản theo giá trị thanh lý ước tính của Hội đồng thẩm định và Công ty sẽ tiếp tục theo dõi, xem xét đánh giá lại các tổn thất đối với các khoản cho mượn, cho vay và cam kết trả thay cho QEC nêu trên để trích lập thêm dự phòng trong sáu tháng cuối năm tài chính 2013 nếu cần thiết.

Đồng thời, như trình bày tại Thuyết minh số 36 trong phần Thuyết minh báo cáo tài chính. Công ty cam kết bảo lãnh trả thay các khoản vay của QEC tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu (“ACB”) với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ VNĐ. Hội đồng Quản trị Công ty đánh giá khả năng phát sinh trách nhiệm tài chính liên đới của Công ty liên quan đến việc bảo lãnh là thấp khi giá trị thanh lý ước tính của tài sản thế chấp của QEC đủ để trang trải khoản vay của ACB. Tuy nhiên, ảnh hưởng cuối cùng của vấn đề này chưa thể đánh giá được do phụ thuộc vào quá trình thanh lý tài sản theo đúng trình tự phá sản của QEC và phán quyết cuối cùng của Tòa án trong việc phân chia tài sản của các chủ nợ. Theo đó, báo cáo tài chính chưa bao gồm bất kỳ sự điều chỉnh nào có thể phát sinh do kết quả của sự kiện không chắc chắn này. Các tác động liên quan sẽ được trình bày trong các báo cáo tài chính khi vấn đề được nhận biết và ước tính được.

Các báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với các báo cáo tài chính của các công ty con. Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN NEXIA ACPA

Đăng ký Kinh doanh số: 0102012231



NGUYỄN QUỐC TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0253-2013-068-1
Phó Tổng Giám đốc

A handwritten signature in black ink, appearing to be "Nguyễn Mạnh Tuấn".

NGUYỄN MẠNH TUẤN

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Hành nghề Kiểm toán số: 0817-2013-068-1
Kiểm toán viên

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	yMã số	Thuyết minh	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		78.860.111.718	104.716.813.974
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	3	5.994.664.805	7.283.112.192
Tiền	111		1.994.664.805	7.283.112.192
Các khoản tương đương tiền	112		4.000.000.000	-
Các khoản đầu tư ngắn hạn	120		5.802.045.293	4.250.216.228
Các khoản đầu tư ngắn hạn	121	4	8.954.097.587	9.890.216.228
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn	129	5; 35	(3.152.052.294)	(5.640.000.000)
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		45.998.622.431	59.436.679.442
Phải thu khách hàng	131	33	22.532.538.407	22.008.232.067
Trả trước cho người bán	132		10.531.556.287	9.312.106.893
Phải thu khác	135	6; 33	28.820.196.836	29.112.798.170
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	7; 35	(15.885.669.099)	(996.457.688)
Hàng tồn kho	140	8	18.126.875.470	29.241.506.629
Hàng tồn kho	141		18.155.163.100	32.013.826.385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(28.287.630)	(2.772.319.756)
Tài sản ngắn hạn khác	150		2.937.903.719	4.505.299.483
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		51.565.292	238.187.852
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		12.233.682	1.061.735.760
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154		586.300.939	31.861.171
Tài sản ngắn hạn khác	158	9	2.287.803.806	3.173.514.700
TÀI SẢN DÀI HẠN	200		153.067.483.871	156.356.695.521
Tài sản cố định	220		76.854.705.776	81.918.533.306
Tài sản cố định hữu hình	221	10	55.074.320.365	59.754.314.977
- Nguyên giá	222		65.291.415.547	70.817.947.476
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.217.095.182)	(11.063.632.499)
Tài sản cố định vô hình	227	11	21.780.385.411	22.164.218.329
- Nguyên giá	228		24.243.957.371	24.573.957.371
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.463.571.960)	(2.409.739.042)
Các khoản đầu tư dài hạn	250		73.399.659.119	71.310.659.119
Đầu tư vào công ty con	251	12	92.471.659.119	91.671.659.119
Đầu tư vào công ty liên kết	252	13	4.230.000.000	4.230.000.000
Đầu tư dài hạn khác	258	14	4.800.000.000	4.800.000.000
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	259	15; 35	(28.102.000.000)	(29.391.000.000)
Tài sản dài hạn khác	260		2.813.118.976	3.127.503.096
Chi phí trả trước dài hạn	261	16	2.813.118.976	3.127.503.096
TỔNG TÀI SẢN	270		231.927.595.589	261.073.509.495

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tiếp theo)

tại ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
NỢ PHẢI TRẢ	300		77.198.595.864	114.401.130.019
Nợ ngắn hạn	310		37.198.668.051	61.721.189.156
Vay và nợ ngắn hạn	311	17	4.597.386.957	19.019.533.659
Phải trả người bán	312	33	10.270.370.733	15.870.498.697
Người mua trả tiền trước	313		14.757.788.307	11.967.406.348
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	314	18	41.968.849	78.074.700
Phải trả người lao động	315		4.545.456	1.309.463.245
Chi phí phải trả	316	19	1.271.327.914	3.629.956.221
Phải trả khác	319	20; 33	2.066.536.125	5.327.752.853
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		1.409.779.023	2.178.686.620
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		2.778.964.687	2.339.816.813
Nợ dài hạn	330		39.999.927.813	52.679.940.863
Phải trả dài hạn khác	333		2.573.383.029	2.675.583.029
Vay dài hạn	334	21	36.655.012.834	49.155.012.834
Dự phòng phải trả dài hạn	337		771.531.950	849.345.000
VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		154.728.999.725	146.672.379.476
Vốn chủ sở hữu	410	22	154.728.999.725	146.672.379.476
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		127.711.950.000	127.711.950.000
Cổ phiếu quỹ	414		(15.680.000)	(15.680.000)
Quỹ dự phòng tài chính	418		418.774.747	418.774.747
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		26.613.954.978	18.557.334.729
TỔNG NGUỒN VỐN	440		231.927.595.589	261.073.509.495

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chỉ tiêu	Thuyết minh		Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
	Mã số			
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	33.843.161.343	64.979.725.088
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	23	(15.540.000)	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	23	33.827.621.343	64.979.725.088
Giá vốn hàng bán	11	24; 34	(27.036.014.484)	(49.121.565.794)
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		6.791.606.859	15.858.159.294
Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	24.532.122.192	25.730.036.699
Chi phí tài chính	22	26	(9.621.942.540)	(8.531.026.683)
Chi phí bán hàng	24	34	(4.676.950.581)	(5.657.195.616)
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	34	(9.610.456.594)	(4.984.530.514)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		7.414.379.336	22.415.443.180
Thu nhập khác	31	27	3.211.944.244	420.448.006
Chi phí khác	32	28	(2.462.760.174)	(24.806.618)
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	40		749.184.070	395.641.388
Lợi nhuận kế toán trước thuế	50		8.163.563.406	22.811.084.568
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	19.049.917
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	29	-	-
Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	22	8.163.563.406	22.830.134.485

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế trong kỳ	01		8.163.563.406	22.811.084.568
<i>Điều chỉnh cho các khoản:</i>				
Khấu hao tài sản cố định	02		2.565.551.413	2.079.026.722
Thay đổi các khoản dự phòng	03		8.368.231.579	2.809.452.235
Lãi từ các hoạt động đầu tư	05		(24.487.253.458)	(25.587.515.404)
Lỗ/(lãi) từ thanh lý tài sản cố định	06		237.328.407	(3.050.829)
Chi phí lãi vay	07		3.663.424.987	5.944.121.062
(Lỗ)/lãi từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi của vốn lưu động	08		(1.489.153.666)	8.053.118.354
Tăng các khoản phải thu	09		(786.577.670)	(4.075.299.366)
Giảm hàng tồn kho	10		13.858.663.285	20.272.210.762
Giảm các khoản phải trả và chi phí phải trả	11		(8.404.729.442)	(17.190.264.391)
Giảm chi phí trả trước	12		810.927.458	425.774.727
Tiền lãi vay đã trả	13		(4.016.263.458)	(5.813.367.491)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		(471.085.087)	-
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		885.710.894	77.143.512
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		-	(393.100.358)
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động kinh doanh	20		387.492.314	1.356.215.749
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Mua tài sản cố định	21		(31.272.727)	(1.808.064.354)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		1.982.299.659	14.700.000
Tiền chi cho vay, mua lại các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(14.678.723.228)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	8.498.000.000
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(800.000.000)	(1.450.990.000)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24.095.180.069	20.444.261.273
Lưu chuyển tiền thuần cung cấp từ hoạt động đầu tư	30		25.246.207.001	11.019.183.691
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẦN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền vay ngắn hạn và dài hạn nhận được	33		554.191.740	17.449.659.873
Tiền chi trả nợ gốc vay ngắn hạn và dài hạn	34		(27.476.338.442)	(13.894.017.575)
Cổ tức đã trả cho chủ sở hữu	36		-	(15.323.552.400)
Lưu chuyển tiền thuần sử dụng cho hoạt động tài chính	40		(26.922.146.702)	(11.767.910.102)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (phương pháp gián tiếp) (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
LƯU CHUYỂN TIỀN THUẬN TRONG KỲ	50		(1.288.447.387)	607.489.338
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN ĐẦU KỲ	60	3	7.283.112.192	2.163.529.182
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI KỲ	70	3	5.994.664.805	2.771.018.520

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 32 là bộ phận hợp thành của các báo cáo tài chính này.

BỔ SUNG THUYẾT MINH VỀ GIAO DỊCH KHÔNG BẰNG TIỀN CHỦ YẾU

Trong kỳ có các giao dịch bằng không bằng tiền chủ yếu sau:

Nội dung	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
	30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Cán trừ khoản đầu tư ngắn hạn với khoản phải trả	936.118.641	-
Cán trừ khoản phải thu khác với khoản phải trả	670.783.273	-
Cán trừ khoản đầu tư dài hạn với khoản vay ngắn hạn	-	1.050.000.000

Người lập:

TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1. Tổ chức và hoạt động chính

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong (trước đây là Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Kỹ thuật cao ITD) ("Công ty") là Công ty Cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0301596604 (trước đây là số 063371) do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 1 năm 1999. Sau đó, Công ty đã nhận được các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh để tăng vốn điều lệ, mở rộng ngành nghề kinh doanh, mở văn phòng đại diện và thay đổi trụ sở chính.

Công ty có trụ sở chính đặt tại Tầng 1, Tòa nhà TTC, Số 1, Đường Tân Thuận, Phường Tân Thuận Đông, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh. Công ty có 2 văn phòng đại diện tại Hà Nội và Đà Nẵng.

Hoạt động của Công ty theo Giấy Chứng nhận Đăng ký kinh doanh là xây dựng công trình đường sắt, đường bộ; lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp; kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông; bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng; bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh; đại lý môi giới, đấu giá, lắp đặt hệ thống điện; hoạt động thiết kế chuyên dụng; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác; sửa chữa máy móc, thiết bị; hoạt động viễn thông có dây; bán buôn máy móc, thiết

bị và phụ tùng máy khác; hoạt động viễn thông khác; nghiên cứu và phát triển thực nghiệm khoa học tự nhiên và kỹ thuật; tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính; bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện; lập trình máy vi tính; và bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm.

Vốn điều lệ được phê duyệt của Công ty là khoảng 127,71 tỷ VNĐ. Các cổ đông chủ yếu của Công ty gồm có:

Cổ đông	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu	Số cổ phiếu	% quyền sở hữu
Ông Nguyễn Anh Dũng	1.523.890	11,93%	1.523.890	11,93%
Vietnam Investment Limited	625.681	4,90%	1.074.183	8,41%
Ông Mai Anh Tuấn	620.890	4,86%	-	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán MB	519.354	4,07%	-	-
Ông Trần Thanh Nguyên	294.720	2,31%	-	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Tánh Linh	234.900	1,84%	-	-
Bà Doãn Thị Bích Ngọc	118.237	0,93%	-	-
Công ty TNHH TM DV Kiều Phong	-	-	791.000	6,19%
Vietnam Infrastructure Holding Limited	-	-	1.576.835	12,35%
Các cổ đông khác	8.831.955	69,15%	7.803.719	61,11%
Cổ phiếu quỹ	1.568	0,01%	1.568	0,01%
	12.771.195	100,00%	12.771.195	100,00%

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty có 70 nhân viên (31 tháng 3 năm 2013: 77 nhân viên).

2. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập các báo cáo tài chính này:

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Các báo cáo tài chính của Công ty được trình bày bằng Đồng Việt Nam ("VNĐ"), phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các báo cáo tài chính kèm theo không nhằm mục đích phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán phổ biến ở các quốc gia và các thể chế khác ngoài phạm vi Việt Nam. Hơn nữa, việc sử dụng các báo cáo này không nhằm dành cho những đối tượng không được biết về các nguyên tắc, thủ tục và thông lệ kế toán Việt Nam.

Các báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán trong kỳ và cũng nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong các năm trước.

Báo cáo tài chính này là báo cáo riêng biệt của Công ty và không hợp nhất với báo cáo tài chính của các công ty con. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập và phát hành riêng biệt.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty từ ngày 1 tháng 4 đến ngày 31 tháng 3.

2.3. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ báo cáo là VNĐ phát sinh trong kỳ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái tương ứng tại ngày giao dịch. Tại ngày kết thúc kỳ, các khoản mục tài sản và công nợ có gốc bằng các đơn vị ngoại tệ khác với VNĐ được quy đổi sang VNĐ theo tỷ giá hối đoái của ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện và chưa thực hiện đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

2.4. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính đòi hỏi Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về tài sản, nợ và việc trình bày các khoản tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

2.5. Công cụ tài chính

Công cụ tài chính được ghi nhận và trình bày theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ("Thông tư 210") ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với các công cụ tài chính.

Ghi nhận ban đầu

Tài sản tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm đầu tư ngắn hạn, phải thu khách hàng, trả trước người bán và phải thu khác.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc trừ đi các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, phải trả người bán, người mua trả tiền trước, thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước, chi phí phải trả và các khoản phải trả, phải nộp khác.

Giá trị sau ghi nhận ban đầu

Hiện tại, không có yêu cầu xác định lại giá trị hợp lý của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.6. Tiền và tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có độ thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được giữ để đáp ứng các khoản cam kết thanh toán ngắn hạn mà không phải cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

2.7. Các khoản phải thu ngắn hạn

Các khoản phải thu ngắn hạn được phản ánh theo giá trị ước tính có thể thu hồi sau khi đã trừ đi dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi được lập dựa vào sự đánh giá của Ban Giám đốc trên các khoản phải thu có dấu hiệu không có khả năng thu hồi.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được đánh giá theo giá thấp hơn giữa giá vốn và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá vốn hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan để đưa hàng tồn kho đến vị trí và điều kiện hiện tại. Giá vốn hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường trừ các chi phí sản xuất để hoàn thành sản phẩm, chi phí tiếp thị và phân phối sản phẩm sau khi đã lập dự phòng cho hàng hư hỏng, lỗi thời và chậm luân chuyển. Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá; kém phẩm chất, lỗi thời v.v) có thể xảy ra đối với vật tư thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

2.9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Khi tài sản được bán hay không thể sử dụng được nữa, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được loại khỏi tài khoản và lãi, lỗ phát sinh từ việc thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm.

Nguyên giá

Nguyên giá ban đầu của tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua của tài sản, thuế nhập khẩu, các khoản thuế không được hoàn lại và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái và vị trí sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã được đưa vào sử dụng như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu, được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh chi phí. Trong trường hợp có thể chứng minh rõ ràng là các chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế tương lai ước tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình so với trạng thái tiêu chuẩn ban đầu của tài sản đó, thì các chi phí này được vốn hóa làm tăng nguyên giá của tài sản cố định hữu hình.

Giá trị hao mòn

Giá trị hao mòn được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính cho từng khoản mục của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

	<u>Năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	30
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải	3 - 6
Thiết bị văn phòng	2 - 5
Tài sản cố định hữu hình khác	2

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Thời gian hữu dụng và phương pháp khấu hao được xem xét định kỳ để đảm bảo rằng phương pháp khấu hao và kỳ khấu hao là nhất quán với lợi ích kinh tế ước tính thu được từ tài sản cố định hữu hình.

2.10. Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được phản ánh theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá quyền sử dụng đất phản ánh tiền thuê đất trả trước và các chi phí liên quan đến việc sử dụng đất thuê đối với diện tích đất thuê Lô A1, Đường 20, Khu E - Office, Phường Tân Thuận, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh đã có Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010. Giá trị hao mòn cho Quyền sử dụng đất được tính theo phương pháp đường thẳng trong vòng 31 năm.

Phần mềm

Giá mua của phần mềm mới mà phần mềm này là một bộ phận tách rời với phần cứng có liên quan được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 3 năm.

Bản quyền

Bản quyền trình bày giá mua nhượng quyền kinh doanh trạm thu phí giao thông. Bản quyền được phản ánh theo nguyên giá, và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 4 năm, bắt đầu từ đầu năm 2008.

2.11. Các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm đầu tư vào công ty con và công ty liên kết mà Công ty nắm giữ quyền kiểm soát được ghi nhận theo giá gốc. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Báo cáo tài chính của công ty con sẽ được đưa vào báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày mua cho tới ngày thanh lý.

2.12. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn

Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 44 năm.

Nâng cấp văn phòng

Nâng cấp văn phòng được thể hiện theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ hai năm đến năm năm.

2.13. Các khoản phải trả và chi phí phải trả

Các khoản phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận theo giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được, không phụ thuộc vào việc Công ty đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

2.14. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng cho bảo hành sản phẩm được trích lập cho từng loại sản phẩm, hàng hóa, công trình xây lắp có cam kết bảo hành. Việc trích lập dự phòng chi phí bảo hành của Công ty, theo đánh giá của Ban Giám đốc, được ước tính bằng 2% doanh thu. Các khoản dự phòng phải trả được xem xét và điều chỉnh lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.15. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo quy định của Luật Lao động của Việt Nam, người lao động có quyền được hưởng một khoản trợ cấp thôi việc dựa trên số năm làm việc của họ. Khoản trợ cấp thôi việc này sẽ được trả một lần khi người lao động nghỉ việc tại Công ty. Khoản trợ cấp thôi việc được lập vào cuối mỗi năm tài chính trên cơ sở ước tính các khoản phải trả cho những người lao động nghỉ việc cho thời gian họ làm việc cho Công ty đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Căn cứ Luật Bảo hiểm Xã hội, có hiệu lực từ ngày 1 tháng 1 năm 2009, Công ty và người lao động phải đóng góp một khoản quỹ bảo hiểm thất nghiệp cho Cơ quan Bảo hiểm Xã hội Việt Nam. Với việc thực hiện chính sách bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không yêu cầu phải trích trợ cấp thôi việc cho giai đoạn sau ngày 1 tháng 1 năm 2009. Tuy nhiên, trợ cấp thôi việc trả cho người lao động làm việc cho Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2008 được xác định dựa trên số năm làm việc của người lao động tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 và mức lương trung bình trong sáu tháng liền kề trước khi nghỉ việc.

2.16. Trích lập quỹ phát triển khoa học và công nghệ

Quỹ phát triển khoa học và công nghệ được sử dụng cho đầu tư khoa học và công nghệ. Quỹ này được trích lập trên lợi nhuận trước thuế dựa trên tỷ lệ lợi nhuận trước thuế trên vốn chủ sở hữu hàng năm và hạch toán vào chi phí. Cụ thể như sau:

<u>Tỷ lệ lợi nhuận trước thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân</u>	<u>Tỷ lệ trích</u>
Nhỏ hơn 20%	0%
Từ 20% đến 25%	2%
Từ 25% đến 30%	4%
Từ 30% đến 35%	6%
Từ 35% đến 40%	8%
Lớn hơn 40%	10%

2.17. Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi khoản lợi ích.

Cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc niên độ. Tỷ lệ hoàn thành được xác định dựa trên việc đánh giá các công việc đã thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như các yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi của các khoản phải thu.

2.18. Thuê hoạt động

Các khoản thanh toán cho thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê. Những ưu đãi thuê được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như một phần không thể tách rời trong tổng chi phí thuê.

2.19. Chi phí đi vay

Chi phí lãi vay được ghi nhận là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2.20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập có liên quan đến các khoản được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập doanh nghiệp cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập phải nộp hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập phải nộp hiện hành được xác định dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất có hiệu lực tại ngày lập bảng cân đối kế toán và bất kỳ khoản điều chỉnh thuế phải nộp nào có liên quan đến các năm khác.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo phương pháp nợ trên bảng cân đối kế toán cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả với giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính.

Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải ghi giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại cho đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại sử dụng được.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải nộp được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thực hiện hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực hay cơ bản có hiệu lực vào ngày kết thúc niên độ kế toán.

2.21. Các bên liên quan

Các bên liên quan bao gồm các cổ đông, các Công ty con, công ty liên kết và các công ty liên kết của Công ty con.

2.22. Các khoản dự phòng

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ sự kiện đã xảy ra và gần như chắc chắn Công ty sẽ phải thanh toán nghĩa vụ đó. Các khoản dự phòng được xác định dựa trên những ước tính đáng tin cậy của Ban Giám đốc về giá trị của nghĩa vụ nợ đó tại ngày lập bảng cân đối kế toán. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì giá trị của khoản dự phòng cũng cần được xác định là giá trị hiện tại của khoản chi phí dự tính để thanh toán nghĩa vụ đó.

2.23. Các sự kiện không chắc chắn

Các khoản nợ tiềm tàng không được ghi nhận vào báo cáo tài chính. Chúng được công bố trừ khi không xác định được khả năng phát sinh một khoản chi để mang lại lợi ích kinh tế.

Tài sản tiềm tàng không được ghi nhận trên báo cáo tài chính nhưng được công bố khi nó có thể mang lại lợi ích kinh tế.

2.24. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ

Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán mà cung cấp thêm thông tin về tình hình của Công ty tại ngày khóa sổ kế toán ("các sự kiện điều chỉnh") được công bố trên báo cáo tài chính. Các sự kiện phát sinh sau ngày khóa sổ kế toán không phải là các sự kiện điều chỉnh được trình bày trên thuyết minh báo cáo tài chính nếu trọng yếu.

2.25. Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán

Các chỉ tiêu ngoài bảng cân đối kế toán, như được định nghĩa trong Hệ thống Kế toán Việt Nam, được công bố ở các thuyết minh thích hợp của các báo cáo tài chính này.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Tiền mặt	82.303.923	39.277.374
Tiền gửi ngân hàng	1.912.360.882	7.243.834.818
Các khoản tương đương tiền (các khoản tiền gửi tại các ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng)	4.000.000.000	-
	5.994.664.805	7.283.112.192

Tiền và các khoản tương đương tiền tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 bao gồm số ngoại tệ khác với VNĐ như sau:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Nguyên tệ:		
- Đô la Mỹ ("USD")	3.897	7.916
- Euro ("EUR")	2.447	176.537

4. Các khoản đầu tư ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Khoản vay cung cấp cho QEC với lãi suất 12,6% đến 16,2% một năm (2012: 16,2% một năm)	4.704.104.587	5.640.223.228
Khoản vay cung cấp cho QMC với lãi suất 12,6% đến 16,2% một năm (2012: 16,2% một năm).	3.429.030.500	3.429.030.500
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong với lãi suất 12,6% đến 16,2% một năm (2012: 16,2% một năm)	500.000.000	500.000.000
Khoản vay cung cấp cho Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong với lãi suất 12,6% đến 16,2% một năm (2012: 16,2% một năm)	300.000.000	300.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn trên 3 tháng tại ngân hàng	20.962.500	20.962.500
	8.954.097.587	9.890.216.228

5. Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	5.640.000.000	-
Tăng trong kỳ	800.000.000	5.640.000.000
Hoàn nhập trong kỳ	(3.287.947.706)	-
Số dư cuối kỳ	3.152.052.294	5.640.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ bao gồm các khoản dự phòng cho:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	2.352.052.294	5.640.000.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	500.000.000	-
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	300.000.000	-
	3.152.052.294	5.640.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

6. Phải thu khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Khoản cho QEC mượn (*)	19.999.999.932	19.999.999.932
Khoản cho mượn, phải thu phúc lợi và lãi cho mượn các công ty con và công ty liên kết	5.008.454.085	4.983.891.458
Cổ tức và lợi nhuận được chia	3.779.420.000	3.779.420.000
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ chưa kê khai	-	206.115.426
Phải thu khác	32.322.819	143.371.354
	28.820.196.836	29.112.798.170

(*) Khoản này phản ánh khoản cho QEC mượn để trả một phần nợ vay gốc cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu ("ACB") đồng thời để Công ty giải chấp 1.200.000 cổ phiếu của công ty CP Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu (thuộc sở hữu của Công ty) đã thế chấp tại ACB để bảo lãnh cho khoản vay của QEC từ ACB.

7. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi

Biến động dự phòng các khoản phải thu khó đòi trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	996.457.688	274.196.665
Tăng trong kỳ	15.831.574.166	1.003.271.936
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(942.362.755)	(92.823.909)
Xóa sổ nợ phải thu khó đòi trong kỳ	-	(188.187.004)
Số dư cuối kỳ	15.885.669.099	996.457.688

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ bao gồm các khoản dự phòng cho:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Công ty cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh ("QEC")	15.307.377.461	696.823.168
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	393.525.000	64.010.000
Các khách hàng khác	184.766.638	235.624.520
	15.885.669.099	996.457.688

8. Hàng tồn kho

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.107.785.876	21.769.547.320
Hàng hóa	8.047.377.224	10.244.279.065
	18.155.163.100	32.013.826.385
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(28.287.630)	(2.772.319.756)
	18.126.875.470	29.241.506.629

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	2.772.319.756	1.775.126.048
Tăng trong kỳ	-	997.193.708
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(2.744.032.126)	-
Số dư cuối kỳ	28.287.630	2.772.319.756

9. Tài sản ngắn hạn khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản đặt cọc ngắn hạn	1.201.165.846	1.400.135.070
Ký quỹ bảo lãnh bảo hành dự án	1.065.688.065	1.594.668.630
Tạm ứng	20.949.895	178.711.000
	2.287.803.806	3.173.514.700

10. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tài sản khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ	44.587.188.572	17.632.583.009	5.623.336.343	2.937.893.072	36.946.480	70.817.947.476
Tăng trong kỳ	-	-	-	31.272.727	-	31.272.727
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	(623.718.272)	-	(623.718.272)
Thanh lý	-	(250.203.155)	(3.584.694.698)	(1.099.188.531)	-	(4.934.086.384)
Số dư cuối kỳ	44.587.188.572	17.382.379.854	2.038.641.645	1.246.258.996	36.946.480	65.291.415.547
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	(2.477.066.040)	(3.475.934.288)	(3.040.443.019)	(2.033.242.672)	(36.946.480)	(11.063.632.499)
Hao mòn trong kỳ	(743.119.812)	(1.020.442.825)	(273.187.614)	(144.968.244)	-	(2.181.718.495)
Kết chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	-	-	-	313.797.494	-	313.797.494
Thanh lý	-	250.203.155	1.732.376.130	731.879.033	-	2.714.458.318
Số dư cuối kỳ	(3.220.185.852)	(4.246.173.958)	(1.581.254.503)	(1.132.534.389)	(36.946.480)	(10.217.095.182)
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	42.110.122.532	14.156.648.721	2.582.893.324	904.650.400	-	59.754.314.977
Số dư cuối kỳ	41.367.002.720	13.136.205.896	457.387.142	113.724.607	-	55.074.320.365

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, phương tiện vận chuyển có giá trị còn lại xấp xỉ 314 triệu VND được thế chấp tại Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh để đảm bảo khoản vay ngắn hạn cho Công ty (xem Thuyết minh số 17).

Tòa nhà ITD và máy móc thiết bị với giá trị còn lại lần lượt là 41.367 triệu VND và 13.127 triệu VND tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 và Quyền sử dụng đất (xem Thuyết minh số 11) được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay dài hạn của Công ty (xem Thuyết minh số 21).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định hữu hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 1.435 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31 tháng 3 năm 2013: 2.099 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm	Bản quyền	Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu kỳ	24.053.529.245	190.428.126	330.000.000	24.573.957.371
Thanh lý	-	-	(330.000.000)	(330.000.000)
Số dư cuối kỳ	24.053.529.245	190.428.126	-	24.243.957.371
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu kỳ	(1.889.310.916)	(190.428.126)	(330.000.000)	(2.409.739.042)
Hao mòn trong kỳ	(383.832.918)	-	-	(383.832.918)
Thanh lý	-	-	330.000.000	330.000.000
Số dư cuối kỳ	(2.273.143.834)	(190.428.126)	-	(2.463.571.960)
Giá trị còn lại				
Số dư đầu kỳ	22.164.218.329	-	-	22.164.218.329
Số dư cuối kỳ	21.780.385.411	-	-	21.780.385.411

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Quyền sử dụng đất với giá trị còn lại xấp xỉ 21.780 triệu VNĐ (31 tháng 3 năm 2013: 22.164 triệu VNĐ) được thế chấp tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương – Chi nhánh Nam Sài Gòn để đảm bảo khoản vay dài hạn cho Công ty (xem Thuyết minh số 21).

Bao gồm trong nguyên giá của tài sản cố định vô hình có một số tài sản với nguyên giá xấp xỉ 190 triệu VNĐ đã khấu hao hết tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31 tháng 3 năm 2013: 520 triệu VNĐ) nhưng vẫn còn đang được sử dụng.

12. Đầu tư vào công ty con

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	% quyền sở hữu	VNĐ	% quyền sở hữu	VNĐ
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	50,51%	35.167.529.294	50,51%	35.167.529.294
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (*)	44,99%	21.894.629.825	44,99%	21.894.629.825
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Tiên Phong	100,00%	10.700.000.000	100,00%	9.900.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	71,79%	9.260.660.000	71,79%	9.260.660.000
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tinh	82,74%	8.193.880.000	82,74%	8.193.880.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiên	57,13%	7.254.960.000	57,13%	7.254.960.000
		92.471.659.119		91.671.659.119

(*) Công ty được nhận ủy quyền quyền biểu quyết của các cổ đông cá nhân với tỷ lệ 9,3% vốn cổ phần thực góp trong Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu (ngày 31 tháng 3 năm 2013: 9,3%) để nắm tổng số quyền biểu quyết trong Công ty Cổ phần Kỹ Thuật Điện Toàn Cầu là 54,29% tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (31 tháng 3 năm 2013: 54,29%).

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Đầu tư vào công ty liên kết

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	% quyền sở hữu	VND	% quyền sở hữu	VND
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong (*)	64,92%	2.310.000.000	64,92%	2.310.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	32,00%	1.920.000.000	32,00%	1.920.000.000
		4.230.000.000		4.230.000.000

(*) Theo Giấy phép Đăng ký Kinh doanh số 0310056838 ngày 17 tháng 9 năm 2010 của Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong, quyền biểu quyết của Công ty là 25%. Tại ngày 30 tháng 9 năm 2013, Công ty đã đầu tư 2.310 triệu đồng, tương đương 64,92% trong vốn góp thực tế (ngày 31 tháng 3 năm 2013: 2.310 triệu đồng, tương đương 64,92%).

14. Đầu tư dài hạn khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.800.000.000
	4.800.000.000	4.800.000.000

15. Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn

Biến động dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013
Số dư đầu kỳ	29.391.000.000	3.700.000.000
Tăng trong kỳ	540.000.000	27.157.376.077
Hoàn nhập trong kỳ	(1.829.000.000)	(1.466.376.077)
Số dư cuối kỳ	28.102.000.000	29.391.000.000

Số dư khoản dự phòng cuối kỳ bao gồm các khoản dự phòng cho:

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	19.146.000.000	20.975.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	2.732.000.000	2.674.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	2.285.000.000	1.922.000.000
Công ty Cổ phần Định Vị Tiên Phong	2.139.000.000	2.139.000.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	1.800.000.000	1.681.000.000
	28.102.000.000	29.391.000.000

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí hội viên câu lạc bộ Gòn	Nâng cấp văn phòng	Công cụ, dụng cụ, thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Số dư đầu kỳ	785.141.391	2.342.361.705	-	3.127.503.096
Tăng trong kỳ	-	-	43.485.912	43.485.912
Kết chuyển từ tài sản cố định hữu hình	-	-	309.920.778	309.920.778
Phân bổ trong kỳ	-	(384.225.349)	(91.259.501)	(475.484.850)
Thanh lý	-	-	(192.305.960)	(192.305.960)
Số dư cuối kỳ	785.141.391	1.958.136.356	69.841.229	2.813.118.976

17. Vay và nợ ngắn hạn

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản vay từ ngân hàng (a)	347.386.957	5.809.533.659
Các khoản vay từ các bên liên quan	-	10.460.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 21)	4.250.000.000	2.750.000.000
	4.597.386.957	19.019.533.659

- (a) Khoản vay từ Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh thành phố Hồ Chí Minh được đảm bảo bằng máy móc thiết bị của Công ty và tài sản khác của một số thành viên Hội đồng Quản trị. Khoản vay ngắn hạn này chịu lãi suất từ 11,5% đến 15% một năm (2012: 12,5% đến 19,6% một năm).

18. Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	22.860.783
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	8.517.444
Thuế thu nhập cá nhân	41.968.849	46.696.473
	41.968.849	78.074.700

19. Chi phí phải trả

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Trích trước chi phí cho các dự án	1.212.309.414	3.381.058.750
Chi phí lãi vay	-	140.897.471
Chi phí dịch vụ chuyên môn	59.018.500	108.000.000
	1.271.327.914	3.629.956.221

20. Phải trả khác

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản phải trả các cá nhân (*)	1.920.000.000	1.600.000.000
Các khoản phải trả các công ty liên quan (*)	82.058.625	3.418.999.625
Bảo hiểm xã hội	64.477.500	-
Tài sản thừa chờ xử lý	-	285.840.407
Phải trả khác	-	22.912.821
	2.066.536.125	5.327.752.853

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

- (*) Các khoản phải trả các công ty liên quan và các cá nhân cho mượn tiền không cần đảm bảo bằng các tài sản và không chịu lãi suất.

21. Vay dài hạn

	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Khoản vay (*)	40.905.012.834	51.905.012.834
Vay dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 17)	(4.250.000.000)	(2.750.000.000)
	36.655.012.834	49.155.012.834

- (*) Khoản vay dài hạn với hạn mức 60.000 triệu VNĐ từ Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công nghệ Tiên Phong Việt Nam – Chi nhánh Nam Sài Gòn cho việc thực hiện xây dựng tòa nhà ITD, khoản vay được hoàn trả hàng quý bắt đầu từ ngày hoàn thành của tòa nhà ITD cho đến tháng 12 năm 2018, tòa nhà ITD được hoàn thành vào tháng 12 năm 2011. Khoản vay được bảo đảm bởi chính tòa nhà ITD và Quyền sử dụng đất của Công ty (xem Thuyết minh số 10 và 11) và chịu lãi suất từ 12% đến 21% một năm (2012: 15% đến 21% một năm).

22. Vốn chủ sở hữu

Tình hình thay đổi vốn chủ sở hữu trong kỳ như sau

	Vốn điều lệ	Cổ phiếu quỹ	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư, ngày 1 tháng 1 năm 2012	116.103.990.000	(15.680.000)	293.589.662	41.373.909.982	157.755.809.644
Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu	11.607.960.000	-	-	(11.607.960.000)	-
Lãi thuần trong năm	-	-	-	5.198.376.001	5.198.376.001
Trích lập các quỹ	-	-	125.185.085	(1.083.438.854)	(958.253.769)
Chia cổ tức	-	-	-	(15.323.552.400)	(15.323.552.400)
Số dư, ngày 1 tháng 4 năm 2013	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	18.557.334.729	146.672.379.476
Lãi thuần trong kỳ	-	-	-	8.163.563.406	8.163.563.406
Trích lập các quỹ	-	-	-	(106.943.157)	(106.943.157)
Số dư, ngày 30 tháng 9 năm 2013	127.711.950.000	(15.680.000)	418.774.747	26.613.954.978	154.728.999.725

Vốn điều lệ được phê duyệt và đã phát hành của Công ty:

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Vốn điều lệ được phê duyệt	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000
Cổ phiếu phổ thông đã phát hành	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000
Mua lại cổ phiếu phổ thông đã phát hành	(1.568)	(15.680.000)	(1.568)	(15.680.000)
Số cổ phiếu phổ thông hiện đang lưu hành	12.769.627	127.696.270.000	12.769.627	127.696.270.000

Tất cả cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VNĐ.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Biến động của vốn điều lệ trong kỳ:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013		Cho kỳ mười lăm tháng kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2013	
	Số lượng cổ phiếu	VNĐ	Số lượng cổ phiếu	VNĐ
Số dư đầu kỳ	12.771.195	127.711.950.000	11.610.399	116.103.990.000
Phát hành trong kỳ	-	-	1.160.796	11.607.960.000
Số dư cuối kỳ	12.771.195	127.711.950.000	12.771.195	127.711.950.000

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Doanh thu bán hàng hóa	17.554.547.873	50.144.193.226
Doanh thu cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	16.288.613.470	14.835.531.862
Tổng doanh thu	33.843.161.343	64.979.725.088
Khoản giảm trừ doanh thu – hàng bán bị trả lại	(15.540.000)	-
Doanh thu thuần	33.827.621.343	64.979.725.088

24. Giá vốn hàng bán

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Giá vốn của hàng hóa	23.366.458.761	40.023.418.744
Giá vốn cung cấp dịch vụ và kỹ thuật	6.413.587.849	9.098.147.050
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.744.032.126)	-
	27.036.014.484	49.121.565.794

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Cổ tức và lợi nhuận được chia	24.059.375.000	24.910.032.006
Lãi cho vay	373.670.289	526.805.276
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	54.208.169	150.678.122
Lãi tiền gửi không có kỳ hạn	39.463.325	64.448.164
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái đã thực hiện	5.405.409	37.443.250
Khác	-	40.629.881
	24.532.122.192	25.730.036.699

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

26. Chi phí tài chính

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Dự phòng các khoản cho mượn và lãi cho vay	9.679.819.293	-
Chi phí lãi vay	3.663.424.987	5.944.121.062
Dự phòng các khoản đầu tư ngắn hạn	(2.487.947.706)	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư dài hạn	(1.289.000.000)	2.493.309.102
Lỗi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	55.645.966	93.596.519
	9.621.942.540	8.531.026.683

27. Thu nhập khác

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	1.982.299.659	14.700.000
Thu nhập từ thanh lý các tài sản ngắn hạn và dài hạn khác	285.840.407	-
Hoàn nhập các khoản dự phòng	555.168.459	313.133.539
Thu nhập khác	388.635.719	92.614.467
	3.211.944.244	420.448.006

28. Chi phí khác

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Giá trị còn lại của tài sản cố định	2.219.628.066	11.649.171
Giá trị còn lại của tài sản ngắn hạn và dài hạn khác thanh lý	237.132.005	-
Chi phí khác	6.000.103	13.157.447
	2.462.760.174	24.806.618

29. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế suất áp dụng

Theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh, Công ty có nghĩa vụ phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") với mức thuế suất 25% trên lợi nhuận chịu thuế.

Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Chi phí thuế TNDN hiện hành		
Kỳ hiện hành	-	19.049.917
Chi phí thuế TNDN hoãn lại		
Phát sinh các khoản chênh lệch tạm thời	-	-
Chi phí thuế TNDN	-	19.049.917

Việc tính thuế TNDN hiện hành còn tùy thuộc vào việc kiểm tra và phê duyệt của các cơ quan thuế.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Đối chiếu thuế suất thực tế

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013		Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012	
Lợi nhuận kế toán trước thuế	8.163.563.406		22.811.084.568	
Thuế TNDN theo thuế suất áp dụng	2.040.890.852	25,00%	5.702.771.142	25,00%
Thu nhập không chịu thuế được chia từ các công ty con	(6.014.843.750)	(73,68%)	(6.227.508.002)	(27,30%)
Chi phí không được khấu trừ	15.624.339	0,19%	104.748.980	0,46%
Ảnh hưởng của giảm thuế trong kỳ tính thuế chuyển đổi	-	-	(19.049.917)	(0,08%)
Ảnh hưởng của các khoản chênh lệch tạm thời	3.958.328.559	48,49%	419.987.880	1,84%
	-	-	(19.049.917)	(0,08%)

Thuế hoãn lại

Tài sản thuế hoãn lại tính trên khoản chênh lệch tạm thời không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 vì tại ngày lập báo cáo này chưa có cơ sở chắc chắn tới phạm vi nào khoản lợi ích trong tương lai của tài sản đó sẽ được thực hiện.

30. Lãi trên cổ phiếu

Công ty không trình bày chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại chuẩn mực kế toán số 30 về "Lãi trên cổ phiếu" yêu cầu trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

31. Cổ tức

Đại hội Cổ đông thường niên của Công ty ngày 29 tháng 6 năm 2013 đã quyết định không chia cổ tức cho năm 2012.

32. Mục đích và chính sách rủi ro tài chính

Công ty chịu các rủi ro sau khi sử dụng các công cụ tài chính, gồm có: rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đối với việc thiết lập các mục tiêu và nguyên tắc quản lý rủi ro tài chính. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, giám sát các rủi ro và thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền tệ tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo sự biến động của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm rủi ro tiền tệ. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

Rủi ro tiền tệ

Công ty chịu rủi ro tỷ giá từ các giao dịch mua và bán phát hành bằng các đồng tiền tệ không phải là Đồng Việt Nam. Ngoại tệ có rủi ro này chủ yếu là đồng Đô la Mỹ ("USD") và đồng Euro ("EUR").

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty đảm bảo rằng mức độ rủi ro tiền tệ thuần được duy trì ở một mức độ có thể chấp nhận được bằng cách mua và bán các ngoại tệ theo tỷ giá thực hiện tại thời điểm khi cần thiết để hạn chế sự mất cân bằng trong ngắn hạn. Ban Giám đốc không thực hiện các giao dịch phòng ngừa rủi ro tiền tệ sau khi đã cân nhắc chi phí của việc sử dụng các công cụ này có thể vượt mức rủi ro tiềm tàng của biến động tỷ giá.

Rủi ro tiền tệ của Công ty đối với USD và EUR như sau:

	30 tháng 9 năm 2013		31 tháng 3 năm 2013	
	USD	EUR	USD	EUR
Tài sản tài chính				
Tiền	3.897	2.447	7.916	176.537
Trả trước cho người bán	-	-	-	4.500
Tài sản ngắn hạn khác	49.000	-	49.000	-
	52.897	2.447	56.916	181.037
Công nợ tài chính				
Phải trả người bán	-	2.444	447.826	2.444
Phải trả dài hạn	25.286	-	-	-
	25.286	2.444	447.826	2.444

Rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi vay vốn theo lãi suất cố định và lãi suất thả nổi. Rủi ro này sẽ được Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay với lãi suất thả nổi.

Rủi ro giá

Công ty có các hoạt động đầu tư vốn vào các công ty đã niêm yết và chưa niêm yết và chịu rủi ro biến động giá của các khoản đầu tư này. Các yếu tố rủi ro ảnh hưởng đến kết quả của các khoản đầu tư này bao gồm kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư và điều kiện thị trường. Ban Giám đốc quản lý rủi ro liên quan đến yếu tố kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của các Công ty được đầu tư bằng cách chọn lựa các ngành nghề kinh doanh và các Công ty để đầu tư. Yếu tố rủi ro liên quan đến điều kiện thị trường tự bản thân nó bị ảnh hưởng bởi các điều kiện kinh tế chung của Việt Nam và các hành vi của các nhà đầu tư, nằm ngoài khả năng kiểm soát của Ban Giám đốc. Những yếu tố này đã dẫn đến các điều kiện thị trường biến động nhiều trong năm vừa qua.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng được đề cập đến loại rủi ro khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Rủi ro tín dụng tối đa được thể hiện là giá trị còn lại của số dư phải thu khách hàng, trả trước cho người bán và phải thu khác như trình bày trên Bảng Cân đối Kế toán.

Rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý bằng cách đảm bảo phần lớn hơn giữa công nợ đến hạn và tài sản trong năm ở mức có thể kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà chủ sở hữu cam kết góp vốn nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bảng dưới đây trình bày các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Trên 5 năm	Tổng
30 tháng 9 năm 2013				
Vay và nợ vay	4.597.386.957	36.655.012.834	-	41.252.399.791
Phải trả người bán	10.270.370.733	-	-	10.270.370.733
Người mua trả tiền trước	5.743.199.900	9.014.588.407	-	14.757.788.307
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	41.968.849	-	-	41.968.849
Chi phí phải trả	1.271.327.914	-	-	1.271.327.914
Các khoản phải trả, phải nộp khác	2.066.536.125	2.573.383.029	-	4.639.919.154
	23.990.790.478	48.242.984.270	-	72.233.774.748
31 tháng 3 năm 2013				
Vay và nợ vay	19.019.533.659	39.101.253.208	10.053.759.626	68.174.546.493
Phải trả người bán	15.870.498.697	-	-	15.870.498.697
Người mua trả tiền trước	4.565.925.480	7.401.480.868	-	11.967.406.348
Thuế và các khoản phải nộp Ngân sách Nhà nước	78.074.700	-	-	78.074.700
Chi phí phải trả	3.629.956.221	-	-	3.629.956.221
Các khoản phải trả, phải nộp khác	5.327.752.853	2.675.583.029	-	8.003.335.882
	48.491.741.610	49.178.317.105	10.053.759.626	107.723.818.341

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn dự tính cho tài sản tài chính phi phái sinh của công ty. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của các tài sản tài chính gồm lãi sẽ có được từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở tài sản và nợ.

	Dưới 1 năm	Từ 1 – 5 năm	Tổng
30 tháng 9 năm 2013			
Đầu tư ngắn hạn	8.954.097.587	-	8.954.097.587
Phải thu khách hàng	22.532.538.407	-	22.532.538.407
Trả trước cho người bán	1.517.584.407	9.013.971.880	10.531.556.287
Phải thu khác	28.820.196.836	-	28.820.196.836
	61.824.417.237	9.013.971.880	70.838.389.117
31 tháng 3 năm 2013			
Đầu tư ngắn hạn	9.890.216.228	-	9.890.216.228
Phải thu khách hàng	22.008.232.067	-	22.008.232.067
Trả trước cho người bán	1.911.242.552	7.400.864.341	9.312.106.893
Phải thu khác	29.112.798.170	-	29.112.798.170
	62.922.489.017	7.400.864.341	70.323.353.358

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Thông tư 210 cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế.

33. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Các nghiệp vụ chủ yếu với Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
		30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc	Chuyển nhượng cổ phiếu	-	50.000.000

Thu nhập của Ban Giám đốc trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
	30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Tiền lương và các khoản thu nhập khác	741.027.500	851.100.000

Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan trong kỳ như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			30 tháng 9 năm 2013	30 tháng 9 năm 2012
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(48.635.000)	(149.221.502)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.121.487.636	1.143.077.276
		Cổ tức nhận được	20.646.245.000	7.432.648.200
		Phí nhượng quyền	653.166.000	606.013.000
		Vay	-	40.500.000
		Lãi vay	(456.024.667)	(146.765.850)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(779.026.240)	(1.303.165.870)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	892.669.250	736.352.236
		Cổ tức nhận được	-	3.558.840.000
		Cho vay	-	3.048.030.500
		Lãi cho vay	-	213.117.058
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(301.398.346)	(219.090.936)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	447.261.733	529.943.543
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(57.843.955)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	889.061.454	911.446.784
		Phí nhượng quyền	391.025.831	697.882.570
		Cổ tức nhận được	2.176.488.000	5.731.297.806
		Góp vốn	-	(1.450.990.000)
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(2.931.600.000)	(1.564.747.547)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	3.148.621.267	342.241.354
		Nhận cổ tức	-	4.500.000.000
		Góp vốn	800.000.000	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất giao dịch	Cho kỳ sáu tháng	Cho kỳ sáu tháng
			kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Mua hàng hóa và dịch vụ	(17.025.960)	(41.335.640)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	552.845.409	579.954.515
		Cổ tức nhận được	1.229.082.000	3.687.246.000
		Phí nhượng quyền	391.595.403	305.456.320
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Bán hàng hoá và dịch vụ	-	19.378.141
		Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(29.886.045)
		Lãi cho vay	20.015.000	27.449.333
		Cho vay	-	20.000.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vạn	Công ty liên kết	Mua hàng hóa và dịch vụ	-	(511.184.544)
		Bán hàng hóa và dịch vụ	1.657.992	265.151.533
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Bán hàng hoá và dịch vụ	-	4,657,500
		Mua tài sản cố định	-	(980.000.000)
		Cho vay	-	6.718.223.228
		Lãi cho vay	306.670.289	234.888.885
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	30.880.250
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Lãi cho vay	41.175.000	51.350.000
		Bán hàng hóa và dịch vụ	6.000.000	844.778.906
		Góp vốn	-	300.000.000
		Mua hàng hóa, dịch vụ	(1.800.000)	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	-	744.986.742
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Bán hàng hóa và dịch vụ	275.098.741	191.271.548
		Mua hàng hóa, dịch vụ	-	(3.500.000)
		Lãi cho vay	5.810.000	-

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)

cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Trong số dư phải thu khách hàng, phải thu khác, phải trả khách hàng và phải trả khác có các số dư nội bộ tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau:

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Các khoản phải thu				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải thu thương mại	793.539.214	2.273.037.194
		Phải thu phi thương mại	285.351.600	13.916.749.625
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải thu thương mại	2.859.126.444	2.221.759.599
		Phải thu phi thương mại	9.038.450.500	9.038.450.500
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải thu thương mại	103.143.169	329.526.894
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải thu thương mại	9.380.675.684	7.524.498.429
		Phải thu phi thương mại	-	-
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải thu thương mại	794.937.202	1.036.762.551
		Phải thu phi thương mại	78.614.990	-
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Phải thu thương mại	3.112.090.237	17.392.629
		Phải thu phi thương mại	2.000.000.000	2.000.000.000
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	211.161.685	211.161.685
		Phải thu phi thương mại	403.525.000	383.510.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Thiên Vận	Công ty liên kết	Phải thu thương mại	88.631.226	520.216.876
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	4.417.311
		Phải thu phi thương mại	25.041.232.014	26.337.046.328
Công ty Cổ phần Thanh toán trực tuyến Mùa Xuân	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	5.406.000
Công ty Cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải thu thương mại	425.826.997	578.026.997
		Phải thu phi thương mại	873.835.000	832.660.000
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải thu thương mại	-	75.928.451
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Phải thu thương mại	28.511.339	168.519.358
Các khoản phải trả				
Công ty Cổ phần Kỹ thuật Điện Toàn Cầu	Công ty con	Phải trả thương mại	(33.930.689)	(16.059.060)
		Phải trả phi thương mại	(394.808.625)	(3.143.999.625)
Công ty Cổ phần Cơ điện Thạch Anh	Công ty con	Phải trả thương mại	(672.189.810)	(548.283.854)
		Phải trả phi thương mại	(173.042.136)	(173.042.136)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tín Thông	Công ty con	Phải trả thương mại	(4.539.700)	(23.522.712)
		Phải trả phi thương mại	(129.828.000)	(129.828.000)
Công ty Cổ phần Tin học Siêu Tính	Công ty con	Phải trả thương mại	(6.637.950)	(29.962.152)
		Phải trả phi thương mại	(136.020.000)	(136.020.000)
Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong	Công ty con	Phải trả thương mại	(2.976.160.000)	(836.160.000)
		Phải trả phi thương mại	-	(275.000.000)
Công ty Cổ phần Công nghệ Tự động Tân Tiến	Công ty con	Phải trả phi thương mại	(237.380.100)	(237.380.100)

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Bên liên quan	Quan hệ	Bản chất số dư	30 tháng 9 năm 2013	31 tháng 3 năm 2013
Công ty Cổ phần Định vị Tiên Phong	Công ty liên kết	Phải trả thương mại	(16.030.000)	(16.030.000)
Công ty Cổ phần Đầu tư Hạ tầng Toàn Cầu	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(102.200.000)
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện Thạch Anh	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	-	(1.606.901.914)
Công ty TNHH Liên doanh Global - Sitem	Bên liên quan	Phải trả phi thương mại	(84.967.785)	(84.967.785)
Công ty cổ phần Thái Sơn Tiên Phong	Bên liên quan	Phải trả thương mại	(1.980.000)	-

34. Chi phí sản xuất và hoạt động theo yếu tố

Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh chủ yếu trong kỳ như sau:

	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013	Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2012
Chi phí hàng hóa xuất bán	20.814.743.135	40.141.031.167
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.564.789.571	7.226.297.183
Chi phí công nhân viên	6.817.683.779	7.938.271.302
Chi phí khấu hao và phân bổ	2.565.551.413	2.079.026.722
Thiết bị văn phòng và văn phòng phẩm	856.690.612	923.120.202
Chi phí khác	5.703.963.149	1.455.545.348

35. Dự phòng các tổn thất từ các giao dịch với QEC

Báo cáo tài chính của Công ty phản ánh các khoản cho mượn, cho vay đối với QEC và cam kết trả thay cho QEC khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 (xem thêm tại Thuyết minh 4, 6 và 14). Ngày 21 tháng 10 năm 2013, Tòa án Nhân dân Tỉnh Bình Dương ("Tòa Án") đã quyết định mở thủ tục phá sản đối với QEC và tiến hành các bước theo quy định của Luật phá sản doanh nghiệp, cụ thể là tại ngày lập báo cáo tài chính này, Tòa Án đang trong quá trình kê biên tài sản và thu thập danh sách các chủ nợ của QEC. Do đó, việc xác định chính xác các tổn thất từ các khoản mục nêu trên của Công ty phụ thuộc vào kết quả thanh lý tài sản của QEC và phán quyết của Tòa Án về phân chia giá trị tài sản thu hồi từ thanh lý cho các chủ nợ.

Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc thanh lý QEC có thể kéo dài ít nhất 2 năm kể từ thời điểm mở thủ tục phá sản. Do đó, Công ty cần thiết phải trích lập dự phòng tại thời điểm này đối với các tổn thất có thể phát sinh từ các khoản mục nêu trên để tránh gây ảnh hưởng đến tình hình hoạt động và tình hình tài chính của Công ty. Trên cơ sở đó, Công ty đã thành lập Hội đồng thẩm định theo đúng quy định về xử lý các khoản nợ khó đòi để đánh giá chi tiết mức thiệt hại và mức trích lập dự phòng trong kỳ báo cáo này. Bản chi tiết đánh giá tài sản tại QEC ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Hội đồng thẩm định xác định giá trị hợp lý tài sản và hàng hóa có thể thu hồi của QEC vào khoảng 83 tỷ VNĐ trong tổng nguyên giá tài sản và hàng hóa khoảng 143 tỷ VNĐ phản ánh trên báo cáo của QEC tại ngày 30 tháng 9 năm 2013. Cũng theo đánh giá của Hội đồng thẩm định, giá trị tài sản thu hồi nêu trên sau khi trừ các khoản nợ có đảm bảo của ngân hàng ACB (khoảng 41,8 tỷ VNĐ) cũng như các khoản thuế và phí phát sinh (khoảng 2,7 tỷ VNĐ), phần còn lại khoảng 38,5 tỷ VNĐ sẽ được dùng để phân chia cho các chủ nợ còn lại gồm Công ty, QMC và các chủ nợ khác. Trên cơ sở đó, Hội đồng thẩm định nhận định các khoản nợ của Công ty và QMC có khả năng thu hồi tương đối chắc chắn với mức 50% và do đó đề nghị trích lập dự phòng 50% tổn thất cho các khoản mục nêu trên.

Công ty Cổ phần Công nghệ Tiên Phong

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (tiếp theo)
cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2013
Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Cụ thể việc trích lập dự phòng cho các khoản cho mượn, cho vay đối với QEC và cam kết trả thay cho QEC khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 như sau:

Khoản mục	Giá trị sổ sách	Dự phòng đã trích lập	Dự phòng có khả năng phải trích lập
Khoản cho mượn và lãi cho vay không có đảm bảo	20.337.127.427	(10.337.127.461)	9.999.999.966
Khoản cho vay ngắn hạn không có đảm bảo	4.704.104.587	(2.352.052.294)	2.352.052.293
Khoản cam kết trả thay cho QEC khoản tiền vay của Công ty TNHH MTV Kỹ Thuật Công Nghệ Tiên Phong có đảm bảo	9.940.500.000	(4.970.250.000)	4.970.250.000
Tổng cộng	34.981.732.014	(17.659.429.755)	17.322.302.259

Ban Giám đốc Công ty đánh giá việc trích lập dự phòng 50% nêu trên là tương đối thận trọng. Ngày 22 tháng 11 năm 2013, Hội đồng Quản trị Công ty đã phê duyệt Tờ trình của Ban Giám đốc về việc thẩm định và trích lập dự phòng với mức 50% các khoản cho mượn, cho vay và cam kết trả thay cho QEC nêu trên cho 6 tháng đầu năm 2013 cũng như phê duyệt kế hoạch trích bổ sung dự phòng trong 6 tháng cuối năm 2013 khi xem xét đánh giá lại giá trị thu hồi của các khoản này tại thời điểm cuối năm tài chính 2013.

36. Các khoản công nợ tiềm tàng

Theo thư bảo lãnh kí ngày 7 tháng 12 năm 2010, Công ty chịu trách nhiệm trả thay cho QEC các khoản vay tại Ngân hàng ACB với hạn mức bảo lãnh là 70 tỷ VNĐ. QEC hiện đang có số dư nợ gốc vay ACB tại ngày 30 tháng 9 năm 2013 khoảng 41,8 tỷ VNĐ. Hội đồng thẩm định Công ty đã đánh giá lại giá trị tài sản thu hồi của QEC (xem Thuyết minh 35) và tin tưởng rằng giá trị thanh lý của các tài sản đảm bảo của QEC tại ACB đủ để trang trải các khoản nợ của QEC đối với ACB. Do đó, Hội đồng Quản trị Công ty nhận định rằng trách nhiệm tài chính liên đới của Công ty trong việc trả nợ thay QEC cho ACB có ít khả năng xảy ra. Theo đó, báo cáo tài chính này chưa bao gồm các khoản dự phòng cho các tổn thất có thể phát sinh liên quan đến việc bảo lãnh nêu trên.

Người lập:



TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG DUNG
Kế toán trưởng

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Ngày 28 tháng 11 năm 2013

Người phê duyệt:



NGUYỄN THỊ BẠCH TUYẾT
Tổng Giám đốc